

PHỤ LỤC 2
DANH MỤC MINH CHỨNG ĐƯỢC CỘNG ĐIỂM TRONG ĐĂNG KÝ XÉT TUYỂN
ĐẠI HỌC CHÍNH QUY NĂM 2026

TT	Nhóm đối tượng	Minh chứng cần nộp
A	Điểm thưởng	
I	Nhóm 1: đối tượng được cộng 2,00 điểm	
1	Thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi HSG QG/KHKT QG với môn/lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 1 ; Xét giải các năm 2024, 2025, 2026;	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
2	Thí sinh đạt giải Nhất (hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận. Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026;	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
3	Thí sinh tham gia đội tuyển quốc gia thi đấu tại các giải quốc tế chính thức được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch xác nhận đã hoàn thành nhiệm vụ, gồm có: Giải vô địch thế giới, Cúp thế giới, Thế vận hội Olympic, Đại hội Thể thao châu Á (ASIAD), Giải vô địch châu Á, Cúp châu Á, Giải vô địch Đông Nam Á, Đại hội Thể thao Đông Nam Á (SEA Games), Cúp Đông Nam Á, phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 1 . Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Quyết định/Thông báo triệu tập (Danh sách kèm theo) tham gia giải quốc tế có xác nhận của Bộ VH, TT & DL
II	Nhóm 2: đối tượng được cộng 1,50 điểm	
1	Thí sinh đạt giải Nhì trong kỳ thi HSG QG/KHKT QG với môn/lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 1 ; Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
2	Thí sinh đạt giải Nhì (hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận, phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 1 . Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
III	Nhóm 3: đối tượng được cộng 1,25 điểm	
1	Thí sinh đạt giải Ba trong kỳ thi HSG QG/KHKT QG với môn/lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 1 ; Xét giải các năm 2024, 2025, 2026;	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
2	Thí sinh đạt giải Ba (hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật quốc tế về ca, múa, nhạc, mỹ thuật được Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch công nhận, phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 1 . Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
B	Điểm xét thưởng	
I	Nhóm 4: đối tượng được cộng 1,00 điểm	
1	Thí sinh đạt giải Khuyến khích/giải Tư trong kỳ thi HSG QG/KHKT quốc gia với môn/lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 1 ; Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
2	Thí sinh đoạt huy chương vàng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm và thí sinh được Tổng cục	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải

TT	Nhóm đối tượng	Minh chứng cần nộp
	Thể dục thể thao có quyết định công nhận là kiện tướng quốc gia xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất; Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	
3	Thí sinh đoạt giải chính thức (Nhất hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, dự tuyển vào ngành Sư phạm Âm nhạc; mỹ thuật dự tuyển vào ngành Sư phạm Mỹ thuật; Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
II	Nhóm 5: đối tượng được cộng 0,75 điểm	
1	Thí sinh đạt giải Nhất trong kỳ thi HSG cấp tỉnh/thành phố với môn phù hợp với ngành dự tuyển (áp dụng cho tất cả các ngành tuyển sinh) hoặc thí sinh đạt giải Nhất kỳ thi KHKT cấp tỉnh/thành phố với lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển (không áp dụng với các ngành thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên). Danh mục môn/lĩnh vực với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 3 ; Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
2	Thí sinh đoạt huy chương bạc các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất. Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
3	Thí sinh đoạt giải chính thức (Nhì hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, dự tuyển vào ngành Sư phạm Âm nhạc; mỹ thuật dự tuyển vào ngành Sư phạm Mỹ thuật. Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
III	Nhóm 6: đối tượng được cộng 0,50 điểm	
1	Thí sinh đạt giải Nhì trong kỳ thi HSG/KHKT cấp tỉnh/thành phố với môn/lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 3 (không áp dụng với các ngành thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên); Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
2	Thí sinh đoạt huy chương đồng các giải Thể dục thể thao cấp quốc gia tổ chức một lần trong năm xét tuyển vào ngành Giáo dục thể chất; Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
3	Thí sinh đoạt giải chính thức (Ba hoặc tương đương) trong các cuộc thi nghệ thuật chuyên nghiệp chính thức toàn quốc về ca, múa, nhạc, dự tuyển vào ngành Sư phạm Âm nhạc; mỹ thuật dự tuyển vào ngành Sư phạm Mỹ thuật; Xét giải các năm 2023, 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
IV	Nhóm 7: đối tượng được cộng 0,25 điểm	
1	Thí sinh đạt giải Ba trong kỳ thi HSG/KHKT cấp tỉnh/thành phố với môn/lĩnh vực phù hợp với ngành dự tuyển quy định tại Phụ lục 3 (không áp dụng với các ngành thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên); Xét giải các năm 2024, 2025, 2026.	Giấy khen hoặc Giấy chứng nhận đạt giải
C	Điểm Khuyến khích	
I	Nhóm 8: đối tượng được cộng 0,25 điểm	

TT	Nhóm đối tượng	Minh chứng cần nộp
1	Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: IELTS: 5.5 - 6.5	Chứng chỉ IELTS
2	Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: TOEFL iBT: 46 - 93	Chứng chỉ TOEFL iBT
3	Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: TOEIC: Nghe: 400 - 489, Đọc: 385 - 454, Nói: 160 - 179, Viết: 150 - 179	Chứng chỉ TOEIC
II	Nhóm 9: đối tượng được cộng 0,5 điểm	
1	Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: IELTS: Từ 7.0 trở lên.	Chứng chỉ IELTS
2	Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: TOEFL iBT: Từ 94 trở lên	Chứng chỉ TOEFL iBT
3	Thí sinh có chứng chỉ Tiếng Anh: TOEIC: Từ (Nghe: ≥ 490 , Đọc ≥ 455 , Nói ≥ 180 , Viết ≥ 180) trở lên	Chứng chỉ TOEIC